

Bản án số: **31/2019/DS-ST**.

Ngày: **03-10-2019**

V/v Tranh chấp về đòi lại tài sản và vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ X – TỈNH Y

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân

1/ Bà Võ Hân Hoan

2/ Bà Đàm Thị Thanh Loan

- Thư ký phiên tòa: ông Nguyễn Thuận Phát, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã X, tỉnh Y.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã X, tỉnh Y tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thân Mến, Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 và ngày 03 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã X, tỉnh Y. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 04/2019/TLST – DS ngày 04/01/2019 về tranh chấp hợp đồng đặt cọc và đòi lại tài sản. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2019/QĐXXST – DS ngày 16/9/2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Võ Văn M**, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Số 33, ấp Long A, xã Tân L, thị xã X, tỉnh Y.

2. Bị đơn: Ông **Đỗ Văn D**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: khóm A, Phường b, thị xã X, tỉnh Y.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Phạm Hữu Đ** (Đ), sinh năm 1979.

Địa chỉ: Khóm A, Phường B, thị xã X, tỉnh Y.

(Tất cả có mặt tại tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo đơn khởi kiện, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn ông Võ Văn M trình bày:**

Vào vụ đông xuân năm 2017- 2018 ông D có ký nhận của ông M tiền thu mua lúa trong dân và bán lúa giống trong dân cụ thể như sau: Ngày 25/11/2017, ông D có ký nhận của ông M 500kg giống ST 24 với số tiền là 8.000.000đ. Ngày 21/11/2018 ông D có ký nhận của ông M số tiền mặt là 15.000.000đồng tiền nhận cọc lúa ST 24. Ngày 09/02/2018 ông D có nhận của ông M số tiền là 40.000.000đồng tiền nhận cọc lúa RVT và có trả cho ông được 02 lần với số tiền là 20.000.000đồng (ngày 26/4/2018 trả 10.000.000đồng và ngày 04/6/2018 trả 10.000.000đồng). Khoảng 02 tháng sau ông D mượn của ông M số tiền 25.000.000đồng để đáo hạn ngân hàng số tiền này tính lãi là 2.500.000đồng, do lúc ông D đến hạn trả tiền cho ông M mà không có trả, ông D kêu ông M đi hỏi bên ngoài, sau này ông D trả lãi cho ông M. Số tiền 25.000.000đồng ông D đã trả cho ông M nhưng chưa trả lãi. Tại phiên tòa hôm nay ông M yêu cầu ông D trả cho ông M các khoản sau: 8.000.000đồng tiền mua lúa giống ST 24; 20.000.000đồng tiền lúa giống RVT; 3.000.000đồng tiền lúa giống ST 24 (đã trừ phần tiền ông D trả cho ông M 12.000.000đồng); tiền lãi là 2.500.000đồng của phần tiền 25.000.000đồng ông D hỏi vay của ông M; tiền bồi thường hợp đồng là 15.000.000đồng của phần cọc lúa ST 24 và yêu cầu tính lãi của số tiền 45.500.000đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 04/6/2018 đến ngày xét xử xong vụ án. Đối với số tiền 3.000.000đồng của phần tiền cọc lúa ST 24 ông M không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa hôm nay bị đơn ông Đỗ Văn D trình bày:

Ông thừa nhận có nhận lúa giống cũng như làm biên nhận nhận các khoản tiền đặt cọc lúa giống ST 24 số tiền 15.000.000đồng và 40.000.000đồng tiền đặt cọc lúa RVT theo như ông M trình bày là đúng. Nhưng ông đã thanh toán với ông M xong sau khi kết thúc vụ lúa, phần tiền 15.000.000đồng thì do giá lúa lên nên ông cũng hứa trả lại số tiền 15.000.000đồng cho ông M. Sau đó ông D có vô lấy số tiền này ông M cũng đã trả cho ông M 12.000.000đồng. sau khi Tòa án hoãn phiên tòa ông M có trả thêm cho ông M 3.000.000đồng xem như số tiền này ông M cũng đã thanh toán cho ông M xong. Đối với phần tiền 25.000.000đồng ông M có nhận của ông M nhưng cũng đã trả cho ông M xong, không có việc thỏa

thuận lãi nên ông M yêu cầu tính lãi ông không thống nhất. Theo các yêu cầu của ông M ông không đồng ý vì ông đã thanh toán cho ông M xong hết không còn nợ.

Theo biên bản lấy lời khai ngày 12/9/2019 và tại phiên tòa ông Phạm Hữu Đ (Đ) trình bày:

Trước đây ông M có nhờ ông lấy tiền của ông D tổng số tiền là 15.000.000đồng nhưng ông không biết rõ là tiền gì. Ông D có trả được 12.000.000đồng còn lại 3.000.000đồng chưa trả. Lúc ông M kêu ông đòi thì có nói đòi được bao nhiêu thì cho ông hết nên khi đòi được 12.000.000đồng thì ông D than khó khăn nên ông không đòi nữa xem như số tiền này ông đã nhận đủ 15.000.000đồng. Tại phiên tòa ông xác định số tiền ông đã nhận của ông D là 15.000.000đồng thời gian cụ thể ông không nhớ.

*** Phát biểu của kiểm sát viên:** Việc chấp hành pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng là đúng theo quy định pháp luật.

- Về việc giải quyết vụ án: Vào ngày 25/11/2017 ông D có nhận của ông M 500kg lúa giống với số tiền 8.000.000đồng, ngày 21/01/2018 ông D có nhận 15.000.000đồng tiền cọc lúa ST 24; ngày 09/02/2018 ông D có nhận tiền cọc lúa RVT của ông M 40.000.000đồng và tháng 3/2018 âm lịch ông D có vay của ông M số tiền 25.000.000đồng, việc này phía ông D cũng đã thừa nhận đây là tình tiết không cần chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông M cho rằng sau khi ký nhận lúa giống và nhận tiền cọc ông D không thực hiện đúng thỏa thuận, sau đó ông D có trả cho ông được 02 lần với số tiền 20.000.000đồng của phần tiền cọc lúa RVT, cụ thể lần 1: ngày 26/4/2018 trả được 10.000.000đồng; ngày 04/6/2018 trả được 10.000.000đồng và có trả 25.000.000đồng tiền vay rồi ngưng đến nay không trả. Nay ông M yêu cầu ông D trả cho ông M các khoản: tiền lúa giống 8.000.000đồng, bồi thường thiệt hại 15.000.000đồng của phần cọc lúa ST 24 do ông D nhận tiền cọc nhưng không bán lúa cho ông, 3.000.000đồng của phần tiền cọc lúa ST 24; 20.000.000đồng tiền cọc lúa RVT; 2.500.000đồng tiền lãi của số tiền vay 25.000.000đồng và yêu cầu tính lãi từ ngày 26/4/2018 âm lịch đến ngày hôm nay, đối với số tiền 3.000.000đồng không yêu cầu tính lãi. Phía ông D thì cho rằng đã thanh toán xong hết các khoản tiền ông nhận của ông M, tuy nhiên việc này ông M không thừa nhận, như vậy ngoài lời nói ra ông D không có căn cứ chứng minh cho việc thanh toán hết các khoản tiền nợ ông M nên không có cơ sở chấp nhận ý kiến của ông D. Đối với phần tiền 15.000.000đồng của phần tiền đặt cọc lúa ST 24 ông M đồng ý trừ phần tiền 12.000.000đồng cho ông D do ông Đen vô lấy ông cũng đồng ý do ông hứa cho ông Đen 12.000.000đồng, chỉ yêu cầu ông D trả 3.000.000đồng còn lại, ông D cũng thừa nhận số

tiền này thiếu ông M là 15.000.000đồng, có trả cho ông Đ 12.000.000đồng trên thực tế nhưng ông Đ đồng ý bỏ 3.000.000đồng cho ông xem như số tiền này ông đã trả đủ cho ông M nhưng việc này ông M không thừa nhận. hơn nữa, trước khi đưa ra xét xử hôm nay ông D và ông Đ, ông M đã thống nhất số tiền này ông D chỉ trả có 12.000.000đồng. Mặc dù tại phiên tòa hôm nay ông Đ và ông D thừa nhận ông D đã trả thêm cho ông Đ 3.000.000đồng, nhưng ông M không thống nhất nên đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định đối với phần 3.000.000đồng này. Đối với yêu cầu tính lãi suất cũng như bồi thường thiệt hại của ông M thấy rằng việc này ông D không đồng ý ông M cũng không có căn cứ chứng minh việc có thỏa thuận bồi thường cũng như thỏa thuận trả lãi đối với phần tiền 25.000.000đồng nên không có căn cứ chấp nhận. Đối với yêu cầu tính lãi trên tổng số tiền 45.500.000đồng thời hạn tính lãi từ ngày 26/4/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm của ông M thấy rằng như đã nhận định nêu trên thì có những khoản ông M yêu cầu không có căn cứ vì vậy chỉ xem xét tính lãi đối với phần ông M được chấp nhận. Thời gian tính lãi theo sự thừa nhận của bị đơn mức lãi suất tính theo quy định pháp luật. Cụ thể từ ngày 26/4/2018 đến ngày 04/6/2018 còn thiếu 30.000.000đồng; từ ngày 04/6/2018 đến nay còn thiếu 20.000.000đồng của phần tiền cọc lúa RVT việc này ông D cũng thừa nhận, nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét tính lãi của khoản tiền này theo quy định. Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu M đối với ông D. Buộc ông D trả cho ông M số tiền 8.000.000đồng tiền lúa giống, 20.000.000đồng tiền cọc lúa RVT và lãi theo quy định, đối với phần tiền 3.000.000đồng không yêu cầu tính lãi đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết theo quy định pháp luật phần 3.000.000đồng này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn không rút lại đơn khởi kiện; các đương sự không thỏa thuận được với nhau về toàn bộ nội dung vụ kiện.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Mặc dù xuất phát từ hợp đồng nhận lúa và hợp đồng đặt cọc nhưng tại phiên tòa hôm nay ông M và ông D cũng đã xác định các khoản tiền ông D còn nợ ông M nhưng chưa thực hiện cũng như ông D cho rằng đã thực hiện xong, cho nên ông M yêu cầu đòi lại số tiền mà ông đã đưa cho ông D, cũng như yêu cầu trả tiền lãi của phần tiền ông M cho ông D vay. Vì vậy xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là đòi lại tài sản và vay tài sản mới là chính xác theo quy định tại Điều 166 và Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[1] Vào ngày 25/11/2017 ông D có nhận của ông M 500kg lúa giống với số tiền 8.000.000đồng, ngày 21/01/2018 ông D có nhận 15.000.000đồng tiền cọc lúa ST 24; ngày 09/02/2018 ông D có nhận tiền cọc lúa RVT của ông M 40.000.000đồng và tháng 3/2018 âm lịch ông D có vay của ông M số tiền 25.000.000đồng, việc này phía ông D cũng đã thừa nhận. Ông M cho rằng sau khi ký nhận lúa giống và nhận tiền cọc ông D không thực hiện đúng thỏa thuận và sau đó ông D có trả cho ông được 02 lần với số tiền 20.000.000đồng của phần tiền cọc lúa RVT, cụ thể lần 1: ngày 26/4/2018 trả được 10.000.000đồng; ngày 04/6/2018 trả được 10.000.000đồng và cuối tháng 3/2018 âm lịch có trả 25.000.000đồng tiền vay rồi ngưng đến nay không trả. Nay ông yêu cầu ông D trả cho ông các khoản: tiền lúa giống 8.000.000đồng, bồi thường thiệt hại 15.000.000đồng của phần cọc lúa ST 24 do ông D nhận tiền cọc nhưng không bán lúa cho ông, 3.000.000đồng của phần tiền cọc lúa ST 24; 20.000.000đồng tiền cọc lúa RVT; 2.500.000đồng tiền lãi của số tiền vay 25.000.000đồng và yêu cầu tính lãi của số tiền trên từ ngày 26/4/2018 đến ngày hôm nay (ngày xét xử sơ thẩm), đối với số tiền 3.000.000đồng phần tiền cọc lúa ST 24 còn lại ông không yêu cầu tính lãi.

[2] - Xét thấy, đối với yêu cầu trả số tiền 8.000.000đồng tiền 500kg lúa giống của ông M, số tiền này ông D thừa nhận có nhận 500kg lúa giống với số tiền 8.000.000đồng như ông M nêu là đúng nhưng số tiền này ông đã tính xong với ông M, tuy nhiên ông M không thừa nhận, ngoài lời nói ra ông D không có căn cứ chứng minh cho lời trình bày của mình. Vì vậy ông M yêu cầu ông D trả số tiền này là có căn cứ đúng quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] - Đối với yêu cầu ông D trả số tiền 20.000.000đồng tiền cọc lúa RVT của ông M, ông M cho rằng khoản tiền này ông D ký nhận tiền cọc 40.000.000đồng, sau đó ngày 26/4/2018 trả được 10.000.000đồng; ngày 04/6/2018 trả thêm 10.000.000đồng, còn lại 20.000.000đồng không trả. Ông D thừa nhận có ký nhận số tiền này và thừa nhận thời gian trả tiền theo như ông M trình bày là đúng nhưng ông D cho rằng đã đã thanh toán xong sau khi kết thúc vụ lúa, nhưng ngoài lời nói ra ông cũng không có căn cứ gì chứng minh cho lời trình bày của mình, việc này ông M cũng không thừa nhận, ông M chỉ thừa nhận ông trả được 20.000.000đồng của số tiền 40.000.000đồng này, cho nên việc ông M yêu cầu ông D trả 20.000.000đồng là có căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] - Đối với yêu cầu phần tiền 3.000.000đồng còn lại của số tiền đặt cọc lúa giống ST 24 của ông M, thấy rằng ông M và ông D đều thống nhất ông D có nhận số tiền 15.000.000đồng tiền đặt cọc lúa ST 24, ông D cho rằng số tiền này có hứa trả cho ông M và ông đã trả cho ông Đ (Đen) 15.000.000đồng ông Đ cũng đã thừa nhận nên xem như số tiền này ông không còn thiếu ông M. Xét thấy, mặc dù ông Đ thừa nhận có nhận số tiền 15.000.000đồng do ông D trả nhưng phần tiền này là ông D thiếu ông M không có thiếu ông Đ, hơn nữa tại biên bản lấy khai ngày 23/9/2019 D cũng thừa nhận chỉ mới đưa cho

ông Đ 12.000.000đồng cũng như thống nhất trả số tiền 3.000.000đồng còn lại theo ông M yêu cầu, nay ông D cho rằng trả 3.000.000đồng cho ông Đ không được sự đồng ý của ông M là không phù hợp theo quy định của pháp luật. Vì vậy ông M yêu cầu ông D trả số tiền 3.000.000đồng này cho ông M và ông không yêu cầu tính lãi là có căn cứ chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu bồi thường hợp đồng với số tiền 15.000.000đồng của ông M đối với khoản tiền cọc lúa ST 24 thấy rằng ngoài lời nói ra ông M không có căn cứ chứng minh việc có thỏa thuận bồi thường nếu vi phạm hợp đồng, hơn nữa việc này ông D cũng không thừa nhận cho nên căn cứ khoản 1 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu này của ông M đối với ông D.

[6] Đối với yêu cầu phân tiền lãi 2.500.000đồng của khoản tiền 25.000.000đồng của ông M thấy rằng số tiền này ông D thừa nhận có nhận của ông M nhưng đã trả xong rồi, việc này ông M cũng thừa nhận. Tuy nhiên, ông M cho rằng có thỏa thuận việc trả lãi do ông D nhờ ông hỏi tiền bên ngoài dù ông D, ông D hứa sẽ trả lãi cho ông, việc này ông D không thừa nhận và ông M cũng không có căn cứ chứng minh cho yêu cầu của ông. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự yêu cầu này của ông M là không có căn cứ chấp nhận.

[7] Xét về lãi suất: Đối với yêu cầu tính lãi suất theo quy định từ ngày 26/4/2018 trên số tiền 45.500.000đồng của ông M là chưa phù hợp như đã nhận định nêu trên do có những khoản ông M yêu cầu không có căn cứ mà chỉ xem xét chấp nhận các khoản như sau: Phần tiền 8.000.000đồng ông D thừa nhận nhưng không có căn cứ đã trả cho ông M, cho nên ông D có trách nhiệm trả cho ông M nhưng ông D chưa trả vì vậy ông M yêu cầu ông D trả lãi do chậm trả tiền cho ông từ ngày 26/4/2018 là phù hợp quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự. Số tiền lãi được tính như sau: $8.000.000\text{đồng} \times 01 \text{ năm } 05 \text{ tháng } 06 \text{ ngày từ ngày } 26/4/2018 \text{ (ngày ông M yêu cầu đến ngày xét xử sơ thẩm } 02/10/2019) \times 10\%/năm = 1.142.080\text{đồng}$.

- Đối với phần tiền nhận cọc lúa giống RVT 40.000.000đồng ông D thừa nhận có nhận khoản tiền này cũng như cho rằng có trả rồi nhưng không nhớ chính xác thời điểm trả chỉ nhớ là vào ngày trả 26/4/2018 trả 10.000.000đồng và ngày 04/6/2018 trả thêm 10.000.000đồng như ông M trình bày. Như vậy tính đến ngày 26/4/2018 ông D còn nợ ông M 30.000.000đồng tiền cọc lúa giống RVT chưa trả và từ ngày 04/6/2018 dương lịch ông D còn nợ ông M 20.000.000đồng cọc lúa giống RVT đến nay chưa trả là có xảy ra trên thực tế. Như vậy phần tiền lãi được tính như sau: $30.000.000\text{đồng} \times 01 \text{ tháng } 09 \text{ ngày (Từ } 26/4/2018 \text{ đến ngày } 04/6/2018) \times 10\%/năm = 323.700\text{đồng}$; $20.000.000\text{đồng} \times 01 \text{ năm } 03 \text{ tháng } 28 \text{ ngày [Từ } 04/6/2018 \text{ đến ngày } 02/10/2019$

(xét xử sơ thẩm)] x 10%/năm = 2.644.933đồng. Tổng số tiền lãi ông D phải trả cho ông M là 4.110.713đồng.

Như vậy, ông D có trách nhiệm trả cho ông M các khoản: 8.000.000đồng tiền nhận 500kg lúa giống; 3.000.000đồng tiền lúa giống ST 24; 20.000.000đồng tiền lúa giống RVT và 4.110.713đồng tiền lãi. Tổng cộng: 35.110.713đồng (làm tròn số là 35.110.700đồng)

[3] Tại tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã X phát biểu ý kiến về thủ tục và nội dung vụ án là có căn cứ phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận:

[4] Án phí: Ông D phải chịu 1.755.535đồng (làm tròn số 1.755.500đồng) theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí; ông M phải chịu án phí đối với phần không được chấp nhận yêu cầu, nhưng do ông là người cao tuổi và có yêu cầu nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35; Điều 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 166, 357, 463, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1, 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về thu, miễn giảm án phí, lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:**

[1] Chấp nhận một phần yêu cầu của ông Võ Văn M về việc yêu cầu ông Đỗ Văn D trả số tiền còn thiếu.

Buộc ông Đỗ Văn D có trách nhiệm trả cho ông Võ Văn M số tiền 35.110.700đồng (Ba mươi lăm triệu, một trăm mười ngàn, bảy trăm đồng).

Kể từ ngày 03/10/2019 cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật, nếu không

có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về án phí sơ thẩm: Ông D phải chịu 1.755.500đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí; ông M phải chịu án phí đối với phần không được chấp nhận yêu cầu, nhưng do ông là người cao tuổi và có yêu cầu nên được miễn án phí theo quy định tại điểm đ Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Án sơ thẩm xét xử công khai báo cho các đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã X;
- CCTHADS thị xã X;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Y
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Mỹ Hạnh

Nơi nhận:

- VKSND hị xã X;
- THADS thị xã X;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Y
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Mỹ Hạnh

